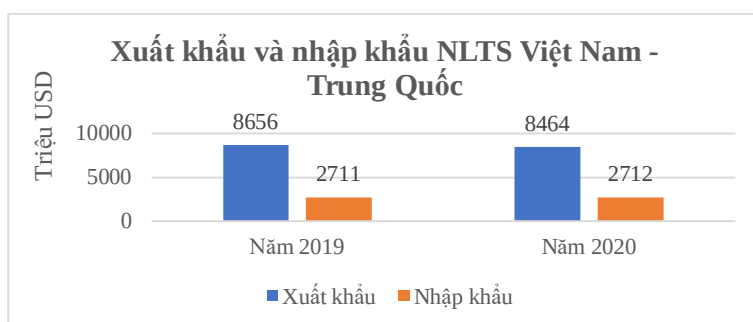


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường TRUNG QUỐC

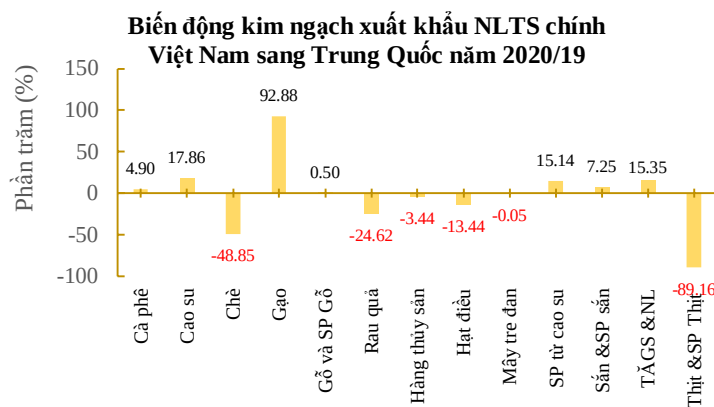


TÌNH HÌNH CHUNG



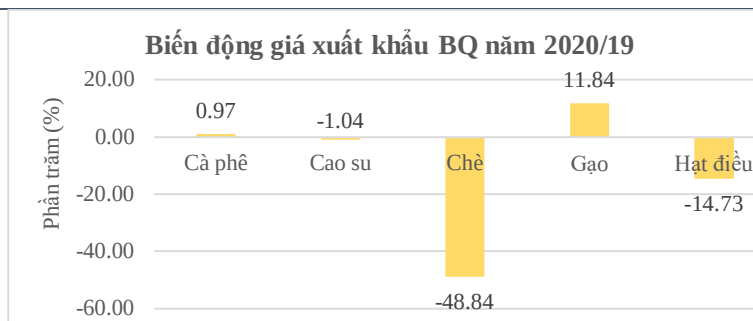
So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc (2020/2019)

Xuất khẩu	▼ 2,22%
Nhập khẩu	▲ 0,02%



So sánh 2020/19

Cà phê	▲ 4,90%
Cao su	▲ 17,86 %
Chè	▼ 48,85%
Gạo	▲ 92,88 %
Gỗ và SP Gỗ	▲ 0,50%
Rau quả	▼ 24,62%
Thủy sản	▼ 3,44%
Hạt điều	▼ 13,44%
Mây tre đan	▼ 0,05%
SP từ cao su	▲ 15,14 %
Sản và SP Sản	▲ 7,25%
TĂGS và NL	▲ 15,35 %
Thịt và SP thịt	▼ 89,16%



So sánh giá xuất khẩu năm 2020/19

Cà phê	▲ 0,97 %
Cao su	▼ 1,04%
Chè	▼ 48,84 %
Gạo	▲ 11,84%
Hạt điều	▼ 14,73%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Báo cáo tháng 01/2021 của Cục thống kê quốc gia Trung Quốc (NBS) tổng kết trong năm 2020, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nền kinh tế thứ 2 thế giới đã tăng 2,3% và đạt 101.598 Nhân dân tệ (tương đương 15,52 nghìn tỷ USD).

Như vậy, nền kinh tế Trung Quốc đã về đích với thành tích vượt xa kỳ vọng, so với mức tăng 0,7% ghi nhận được trong 3 quý đầu năm 2020. Trong quý IV năm 2020, GDP của Trung Quốc đạt mức tăng 6,5%, cao hơn đáng kể con số 4,9% ghi nhận được trong quý III cùng năm. GDP tăng trưởng ở mức 2,3% là mức tăng thấp nhất của Trung Quốc kể từ khi tiến hành cải cách mở cửa năm 1978. Tuy nhiên, thành tích trên đã đưa Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn duy nhất đạt tăng trưởng dương trong bối cảnh kinh tế toàn cầu điều đứng vì COVID-19. Đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu là “cỗ xe tam mã” đã kéo nền kinh tế Trung Quốc vượt qua khủng hoảng và tạo đà giúp tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước này đạt mốc kỷ lục 32,16 nghìn tỷ nhân dân tệ, quy mô thương mại quốc tế.

Theo NBS, hoạt động kinh tế của Trung Quốc đã phục hồi ổn định, cùng với đó là việc làm và đời sống của người dân được bảo đảm hiệu quả. Các nhiệm vụ chính về phát triển kinh tế - xã hội đã được hoàn thành tốt hơn mong đợi. Để giảm nhẹ tác động của cú sốc COVID-19, Chính phủ Trung Quốc đã triển khai một loạt biện pháp, bao gồm tăng chi tiêu tài chính, giảm thuế, cắt giảm lãi suất cho vay và yêu cầu mức dự trữ tại các ngân hàng để ổn định tăng trưởng cũng như việc làm cho người dân. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 trong nước đang từng bước được kiểm soát, nhịp sống tại Trung Quốc đang dần trở lại bình thường, khi các nhà máy, trường học, các địa điểm du lịch... được mở cửa trở lại.

Số liệu thống kê do NBS công bố cũng cho thấy, trong năm 2020, thị trường lao động của Trung Quốc tiếp tục duy trì ổn định. Tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực thành thị là 5,6%, thấp hơn mục tiêu chính phủ đề ra (khoảng 6%). Cùng với đó, sản lượng công nghiệp giá trị gia tăng năm 2020 - một chỉ số kinh tế quan trọng - cũng tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Các hoạt động đầu tư tài sản cố định đã chứng kiến sự phục hồi bền vững, với mức tăng 2,9% trong năm 2020, trong đó, đầu tư cho lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, chăm sóc y tế và giáo dục tăng nhanh hơn mức trung bình.

Mặc dù những kết quả đạt được đã vượt qua kỳ vọng, NBS vẫn cảnh báo Trung Quốc vẫn phải đối mặt với nhiều bất ổn do tình hình dịch bệnh đang thay đổi và tác động từ môi trường bên ngoài. Qua đó, cơ quan này khuyến cáo Trung Quốc cần tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để củng cố các nỗ lực kiểm soát dịch bệnh và phát triển kinh tế. Một số chuyên gia kinh tế dự báo trong năm 2021, tăng trưởng GDP của Trung Quốc sẽ đạt 8,2%, củng cố triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu trước ngưỡng cửa hồi phục do những tiến bộ trong điều chế vaccine COVID-19. Tuy nhiên, tỷ lệ tăng trưởng còn phụ thuộc vào

những nỗ lực của chính phủ Trung Quốc trong việc chặn đứng dịch bệnh tái bùng phát trên diện rộng, cũng như chuyển hướng thúc đẩy chi tiêu từ các chính quyền địa phương và công ty nhà nước lớn sang phía người tiêu dùng và các doanh nghiệp tư nhân.

Hoạt động sản xuất của Trung Quốc chậm lại trong tháng 1/2021 là do làn sóng lây nhiễm Covid-19 mới gây ảnh hưởng tạm thời tới hoạt động và sản xuất của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, giai đoạn đầu của năm mới thường là kỳ nghỉ của lễ hội mùa Xuân. Riêng trong tháng Một, Trung Quốc Đại lục ghi nhận hơn 2.000 ca mắc Covid-19 lây nhiễm trong cộng đồng. Mặc dù số ca mắc mới tại nước này được đánh giá là thấp hơn so với nhiều nước khác, song nhà chức trách lo ngại nguy cơ lây lan nhanh và mạnh hơn trong dịp Tết Nguyên Đán sắp tới tại quốc gia đông dân nhất thế giới này. Do làn sóng mới của dịch Covid-19 bùng phát, nhiều thành phố lớn tại Trung Quốc đã phải phong tỏa, gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và lĩnh vực dịch vụ, trong đó có logistics và giao thông vận tải.

Vào cuối tháng 12/2020, Trung Quốc đã công bố bản điều chỉnh mức thuế nhập khẩu tạm thời của 883 loại hàng hóa nhập khẩu, vốn đang chịu thuế quan ưu đãi tối huệ quốc (MFN) - áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ các nước thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) áp dụng điều khoản đối xử MFN. Các mặt hàng được hưởng ưu đãi bao gồm viên uống dầu cá, Cam thảo Trung Quốc, FSMPs, lactoferrin (một loại protein trong sữa mẹ) và các FSMP dành cho trẻ sơ sinh nhẹ cân và trẻ sinh non. Ví dụ, thuế suất tạm thời đối với viên uống dầu cá là 6%, thấp hơn so với mức thuế quan 12% của MFN. Đối với các dạng FSMPs dành cho trẻ sinh non/nhẹ cân, thuế suất tạm thời của dầu cá giảm từ 15% còn 0%. Thuế của Cam thảo và lactoferrin giảm lần lượt từ 6% còn 0% và 10% còn 5%. Ngoài ra, Trung Quốc cũng giảm thuế suất thông thường đối với một số sản phẩm nhất định từ các nước Châu Á – Thái Bình Dương như Australia, New Zealand, và Hàn Quốc. Những nước này đã được hưởng thuế suất ưu đãi thông qua các hiệp định thương mại khu vực với Trung Quốc. Mức thuế cắt giảm chung được áp dụng cho các loại bột sữa bán lẻ dành cho trẻ sơ sinh, tỷ suất thuế hiện tại là 0% dành cho Australia và New Zealand. Ưu đãi này cũng áp dụng cho Cam thảo Trung Quốc, hiện trở thành 0% cho Australia, New Zealand và Hàn Quốc. Việc giảm thuế quan MFN và giảm thuế cho các nước ký kết hiệp định thương mại khu vực có thể tạo ra một thị trường cạnh tranh hơn đối với một số loại sản phẩm nhất định.

Ngày 26/1/2021, New Zealand và Trung Quốc đã ký kết Nâng cấp Hiệp định Thương mại Tự do song phương năm 2008. Hiệp định vẫn giữ nguyên lộ trình cắt giảm thuế quan hiện có. Ngoài ra, Trung Quốc đã xóa bỏ thuế quan bổ sung đối với 12 loại gỗ và giấy trong 10 năm; sau đó, 99% lượng gỗ và giấy xuất xứ từ New Zealand sẽ được miễn thuế. Đối với sản phẩm sữa, không có sự thay đổi so với năm 2008, tức là đến 1/1/2024, xuất khẩu sữa

của New Zealand sang Trung Quốc sẽ hoàn toàn miễn thuế. Cụ thể, hạn ngạch và thuế quan đối với sữa nước, phô mai, bơ sẽ được bãi bỏ từ năm 2022, còn sữa bột sẽ từ 2024.

Theo USDA, sản xuất cam của Trung Quốc năm 2020/21 dự báo sẽ tăng nhẹ lên 7,5 triệu tấn (chiếm khoảng 15,2% tổng sản lượng cam toàn cầu) nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi. Tiêu dùng tươi dự kiến cũng sẽ tăng lên, trong khi chế biến có thể sẽ giảm. Nhập khẩu cam dự kiến vẫn sẽ duy trì ổn định với các nhà xuất khẩu truyền thống là Ai Cập, Nam Phi, Úc, Mỹ và EU. Sản xuất quýt dự báo cũng tăng nhẹ lên 23.1 triệu tấn, giúp Trung Quốc tiếp tục duy trì vị thế là quốc gia sản xuất quýt lớn nhất thế giới với sản lượng chiếm khoảng 69,8% sản lượng quýt toàn cầu. Sản lượng bưởi cũng dự báo tăng nhẹ khoảng 5,0 triệu tấn, chiếm khoảng 72,5% tổng sản lượng bưởi toàn cầu.

Cũng theo USDA, sản lượng ngô của Trung Quốc năm 2020/21 dự báo đạt 260,7 triệu tấn, giảm khoảng 100 nghìn tấn so với năm trước do diện tích gieo trồng giảm. Mặc dù miền đông bắc nước này năm nay bị chịu ảnh hưởng của bão lũ, nhưng mức giảm dự kiến sẽ không quá đáng ngại. Tuy nhiên, đáng lo ngại hơn là các doanh nghiệp nước này cho biết hàng năm khoảng 8 triệu tấn ngô đã phải tiêu hủy do chất lượng kém vì nhiễm nhiều dư lượng thuốc BVTV. Lúa miến dự báo sẽ không thay đổi mức sản lượng với 3,6 triệu tấn. Lúa mạch tương tự cũng sẽ không đổi với mức sản lượng 0,9 triệu tấn. Sản lượng lúa mì ước đạt 134,3 triệu tấn, tăng khoảng 0,7 triệu tấn so với năm ngoái. Đặc biệt, sản lượng gạo của Trung Quốc trong năm 2021 được dự báo là sẽ đạt khoảng 148,3 triệu tấn, tăng 1,6 triệu tấn so với năm trước.

Về xuất nhập khẩu Việt Nam và Trung Quốc, Trung Quốc là đối tác truyền thống, có kim ngạch nhập khẩu NLTS lớn thứ 2 của Việt Nam sau Hoa Kỳ. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tăng liên tục kể từ tháng 6, kim ngạch xuất khẩu tháng 12/2020 đạt 901,1 triệu USD, tăng 2,5% so với tháng 11/2020, và 3,4% so với cùng kỳ.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 12 năm 2020 là cao su tự nhiên, rau quả, sắn, gỗ, thủy sản, hạt điều và gạo. Trong các mặt hàng chính này, so với tháng 11 năm 2020, gỗ có mức tăng trưởng cao nhất với 30,8%, trong khi thủy sản có mức giảm tăng trưởng cao nhất với -32,8%; tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2019, gạo có mức tăng trưởng cao nhất với 109,1%, còn mặt hàng có mức giảm tăng trưởng cao nhất vẫn là thủy sản với -39,9%.

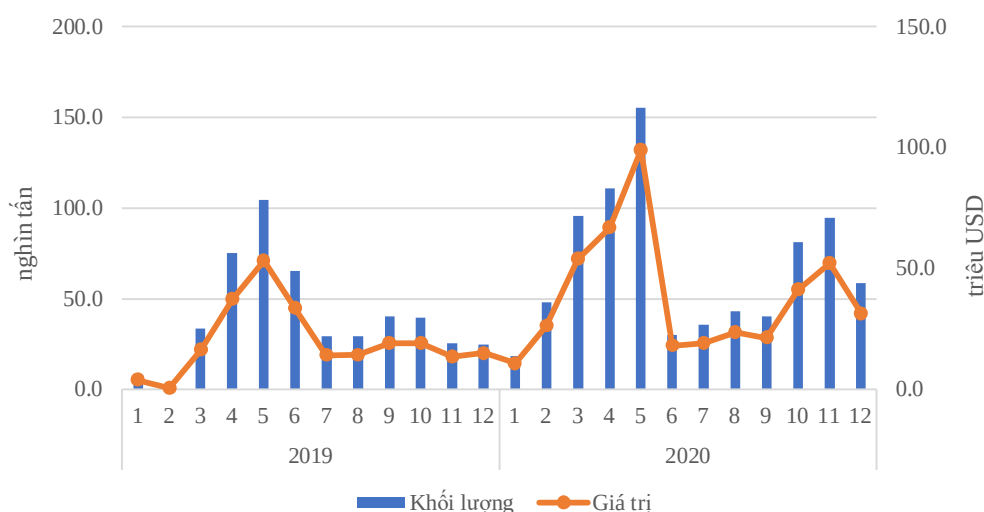
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 01/2021 của USDA, sản lượng gạo của Trung Quốc trong năm 2021 được dự báo là sẽ đạt khoảng 148,3 triệu tấn, tăng 1,6 triệu tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc năm 2021 ước đạt 2,2 triệu tấn, giảm 100 nghìn tấn so với năm ngoái. Nguyên nhân chính là do dự trữ gạo của Trung Quốc hiện vẫn tương đối cao.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2020, Việt Nam xuất khẩu được 58,5 nghìn tấn gạo, trị giá 31,4 triệu USD sang Trung Quốc giảm 38,2% về khối lượng và 39,8% về giá trị so với tháng 11/2020, nhưng tăng 138,1% về khối lượng và 109,1% về giá trị so với cùng kỳ 2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2020 đạt 810,8 nghìn tấn, trị giá 463,0 triệu USD, tăng 69,9% về khối lượng và 92,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

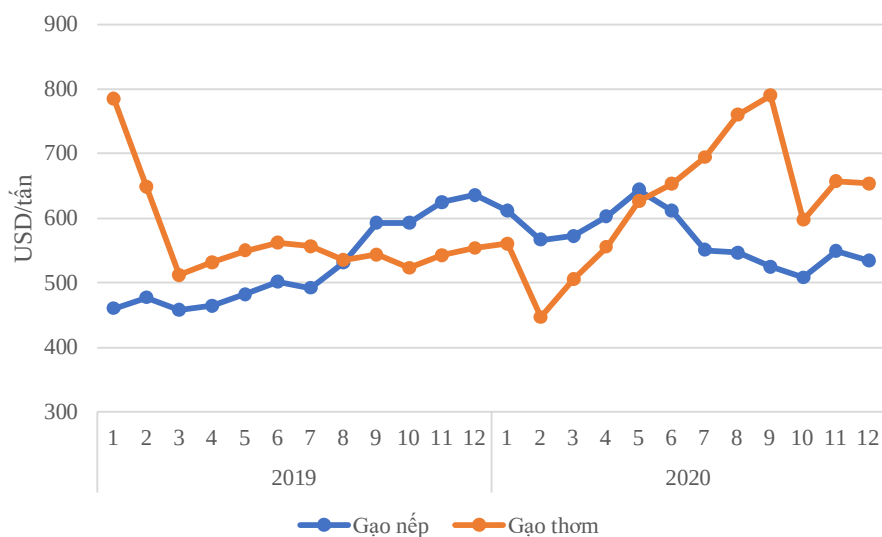
Trong tháng 12/2020, gạo nếp tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 54,9 nghìn tấn, trị giá 29,4 triệu USD (chiếm 93,8% về khối lượng và 93,6% về giá trị); so với tháng 12/2019, xuất khẩu gạo nếp sang Trung Quốc đã tăng 182,8% về khối lượng và 136,7% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 12/2020 đạt 535,8 USD/tấn, giảm 2,7% so với tháng 11/2020, và 12,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đều có xu hướng giảm trong tháng. Giá xuất khẩu gạo nếp tháng 12/2020 đạt trung bình 534,5 USD/tấn, giảm 2,7% so với tháng 11/2020 và 15,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo thơm đạt 653,5 USD/tấn, giảm 0,5% so với tháng 11/2020 nhưng tăng 18,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

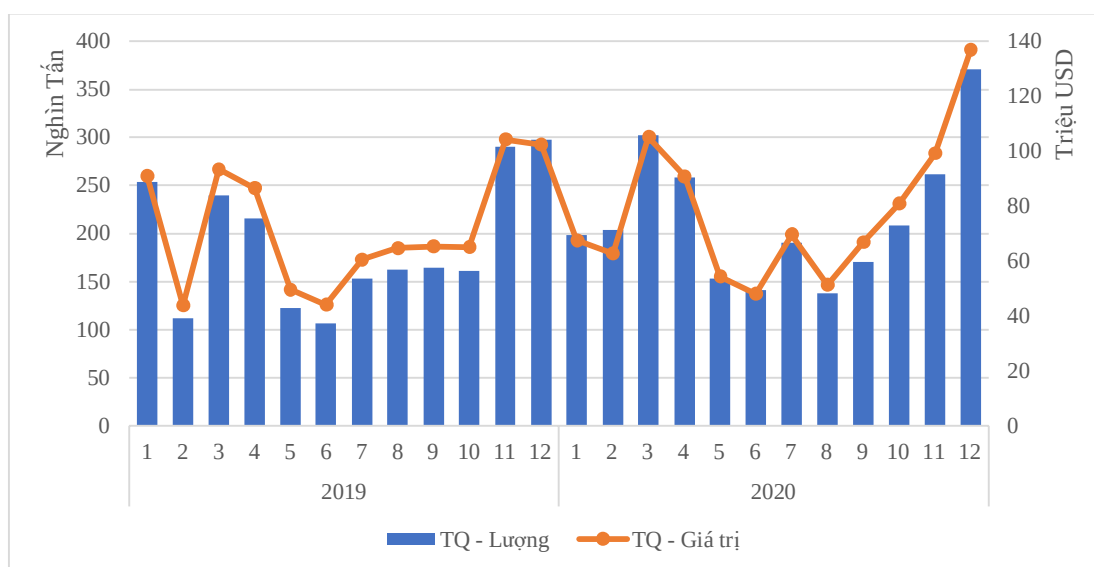
Trong tháng 12/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty CP Tân Đồng Tiến, Công ty TNHH Dương Vũ, và Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần

lượt là 18,0%, 17,0% và 15,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc trong tháng 12/2020.

2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Trong tháng 12/2020, xuất khẩu sản và các sản phẩm sản sang thị trường Trung Quốc tăng kỷ lục bất chấp tác động của dịch bệnh Covid19 ảnh hưởng lên thương mại biên giới hai nước, khối lượng xuất khẩu sản của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 371 nghìn tấn, tăng 41,7% so với tháng trước và tăng 25% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng khối lượng xuất khẩu sản trong năm 2020 của Việt Nam sang Trung Quốc đạt khoảng 2,60 triệu tấn, tăng 14% so với năm 2019. Về giá trị, giá trị xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc đạt 136,96 triệu USD trong tháng 12, đưa tổng giá trị cả năm đạt 934,1 triệu USD, tăng 7% so với năm 2019.

Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 93,5% về khối lượng và 93,7% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong năm 2020. Trong đó, xuất khẩu sản lát và các sản phẩm làm từ sản sang Trung Quốc chiếm 92,11% tổng lượng xuất khẩu sản của cả nước, đạt 2,58 triệu tấn, trị giá 928,82 triệu USD, tăng 12,9% về lượng và 6,2% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, hiện Việt Nam là nhà cung cấp lớn thứ hai của Trung Quốc cả về sản lát và tinh bột sản.

3. RAU QUẢ

Thông tin từ Ủy ban Thuế quan thuộc Quốc vụ viện Trung Quốc cho biết, quốc gia này giảm thuế nhập khẩu một số loại trái cây kể từ ngày 1/1/2021, trong khi các nước như Chile, Peru và New Zealand sẽ tiếp tục được miễn thuế.

Trong lần điều chỉnh thuế năm nay, đáng chú ý nhất là: (i) thuế nhập khẩu nho Hàn Quốc được giảm từ 5,2% năm 2020 xuống 3,9% năm 2021; (ii) giảm thuế nhập khẩu dứa Costa Rica xuống 3,2%, Trung Quốc chỉ nhập khẩu dứa từ Costa Rica kể từ tháng 6/2017. Costa Rica nổi tiếng nhất với loại dứa MD2 chất lượng cao, rất phổ biến ở các thị trường Bắc Mỹ và Châu Âu nhưng vẫn tương đối hiếm trên thị trường Trung Quốc. Giống này có độ ngọt trung bình là 14 với độ chua tối thiểu và thịt mềm, vàng. Theo số liệu từ Hải quan Trung Quốc, thị trường này nhập khẩu 1.790 tấn dứa từ Costa Rica trong năm 2018 và 730 tấn năm 2019 và (iii) trái cây của Australia: ngoại trừ cam, quýt, chanh, tất cả các loại trái cây tươi khác của Australia xuất khẩu sang Trung Quốc đã được miễn thuế kể từ ngày 1/1/2019. Thuế nhập khẩu đối với cam giảm từ 4,9% xuống 3,7% vào ngày 1/1/2020. Theo kế hoạch thương mại của Trung Quốc, thuế nhập khẩu cam của Australia sẽ tiếp tục giảm xuống còn 2,4% vào năm 2021, sau đó xuống 1,2% vào năm 2022, sau đó được miễn thuế kể từ 1/1/2023.

Theo thông báo từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Trung Quốc đã cấp phép nhập khẩu 10 mặt hàng trái cây mới vào năm 2020, giảm nhẹ so với năm 2019. Các mặt hàng trái cây được phê duyệt bao gồm cam quýt của Argentina và Chile; dứa của Braxin; xoài của Campuchia; bơ của Dominica; thanh long của Ấn Độ; quả bơ, quả việt quất và quả xuân đào của Hoa Kỳ; và quả việt quất của Dambia. Tuy nhiên, do đại dịch Covid-19 toàn cầu, cả tỷ lệ chấp thuận nhập khẩu trái cây mới và số lượng trái cây nhập khẩu đều giảm. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu trái cây tươi, trái cây sấy khô và các loại hạt của Trung Quốc trong 10 tháng năm 2020 đạt 5,51 triệu tấn, giảm 10,5% so với cùng kỳ năm 2019. Trong số các loại trái cây được phép nhập khẩu vào Trung Quốc trong năm 2020, đáng chú ý nhất là xoài của Campuchia. Đây là loại trái cây thứ 2 của Campuchia được chấp thuận, sau chuối. Tháng 10/2020, Trung Quốc và Campuchia chính thức ký hiệp định thương mại tự do, và trong tháng 11/2020, 10 nước thành viên ASEAN đã ký hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và New Zealand. Hai hiệp định này đã hỗ trợ tích cực cho xuất khẩu nông sản của Campuchia. Việc Trung Quốc bắt đầu nhập khẩu xoài từ Campuchia sẽ ảnh hưởng tới

thị phần của các nước xuất khẩu xoài trong khu vực Đông Nam Á tại thị trường Trung Quốc.

Ngày 22/01/2021, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc (NDRC) đã đưa ra một tuyên bố cho biết nguồn cung rau trên thị trường Trung Quốc được đảm bảo và giá dự kiến sẽ ổn định và giảm khi thực hiện các biện pháp liên quan. Do gần đây, giá ớt, bắp cải và hành lá tăng mạnh đã làm dấy lên mối quan tâm rộng rãi của công chúng. Sự biến động theo mùa của giá rau tương đối rõ ràng khi mùa xuân đang đến gần. Giá rau tăng gần đây chủ yếu do tác động tiêu cực của nhiệt độ thấp kỷ lục trên toàn quốc đến sản xuất và vận chuyển rau. Ngoài ra, dịch COVID-19 bùng phát gần đây ở một số vùng đã ảnh hưởng đến việc giao hàng rau. Theo Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc, cả nước hiện có tổng diện tích trồng rau khoảng 57.000 km², tăng hơn 670 km² so với năm ngoái.

Hiệp hội trái cây Nam Phi và Phòng Thương mại Thực phẩm, Sản phẩm Bản địa và Sản phẩm Động vật (CFNA) vừa ký kết Biên bản ghi nhớ vào ngày 14/12/2020, qua đó thúc đẩy sự hợp tác và trao đổi thông tin thống kê nhiều hơn giữa ngành công nghiệp trái cây tươi của hai bên. Trao đổi thông tin về những thay đổi đối với luật pháp quy định và thủ tục hải quan là một trọng tâm khác của việc tăng cường hợp tác, sẽ bao gồm một nhóm công tác để giám sát việc thực hiện các dự án. Hiệp hội trái cây Nam Phi hy vọng Biên bản ghi nhớ này sẽ đẩy nhanh quá trình đánh giá chanh và lê vào Trung Quốc.

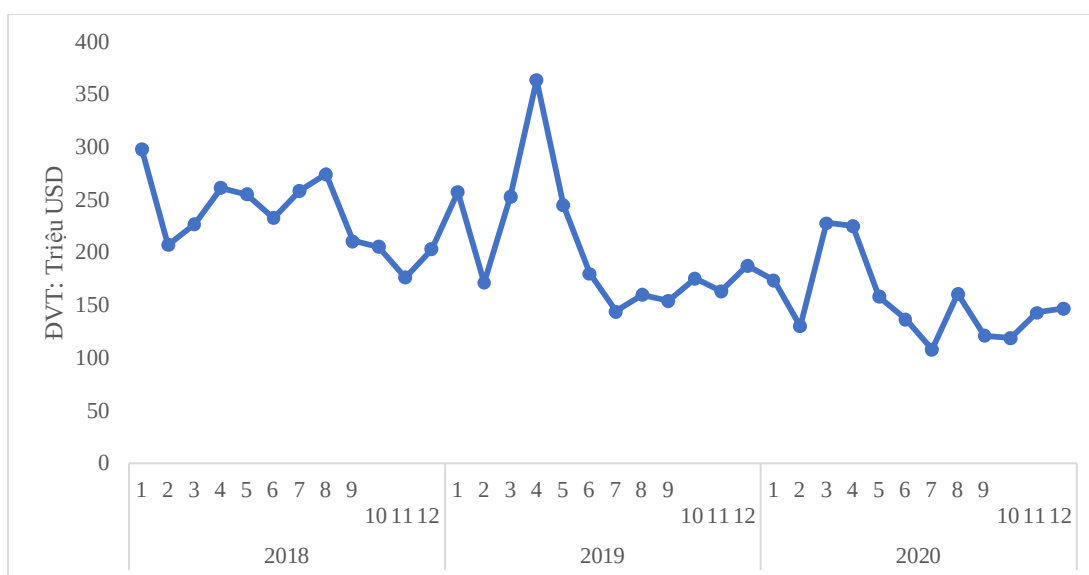
Cơ quan chức năng Trung Quốc đang tiến hành các thủ tục để yêu cầu các nhà xuất khẩu nông sản Việt Nam phải gắn mã QR (QR Code) khi đưa hàng hóa vào thị trường này. Cán bộ hải quan phía Trung Quốc sẽ quét mã QR này để kiểm tra các thông tin về nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, mã vùng trồng, các tiêu chuẩn chất lượng... trước khi quyết định cho phép thông quan. Quy định này của Trung Quốc cũng nhằm siết chặt nguồn gốc, chất lượng hàng hóa nhập khẩu vào nước này trong thời gian gần đây. Trước đó, trong năm 2019, Trung Quốc đã buộc các nhà xuất khẩu nông sản Thái Lan phải gắn mã QR cho hàng hóa vào nước này. Yêu cầu này nhằm hạn chế tình trạng “mượn” mã vùng trồng, mượn giấy phép xuất khẩu hay khai gian chất lượng hàng hóa...

Do bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, việc vận chuyển hàng hóa cả bằng đường không và đường biển đều khó khăn, cước phí vận tải do đó tăng lên, khiến cho nhiều nhà nhập khẩu trái cây ở Trung Quốc giảm khối lượng trái cây nhập về, hoặc thậm chí không nhập khẩu nữa. Người tiêu dùng Trung Quốc giảm nhu cầu đối với trái cây nhập khẩu cũng phản ánh thói quen của người tiêu dùng Trung Quốc là ngày càng ưu tiên hàng nội địa hơn. Do đó, thị trường trái cây nhập khẩu ở Trung

Quốc năm nay rất khác so với mọi năm, khi mà trước mỗi dịp Tết, trái cây nhập khẩu tràn vào Trung Quốc rất nhiều, năm nay các loại trái cây nhập khẩu không thu hút người tiêu dùng.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tháng 12 năm 2020 đạt 147,1 triệu USD, chiếm 53,6% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 2,9% so với tháng trước (đạt 143 triệu USD) và giảm 21,7% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 187,7 triệu USD). Giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc trong năm 2020 đạt 1,8 tỷ USD, giảm 24,3% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 2,4 tỷ USD).

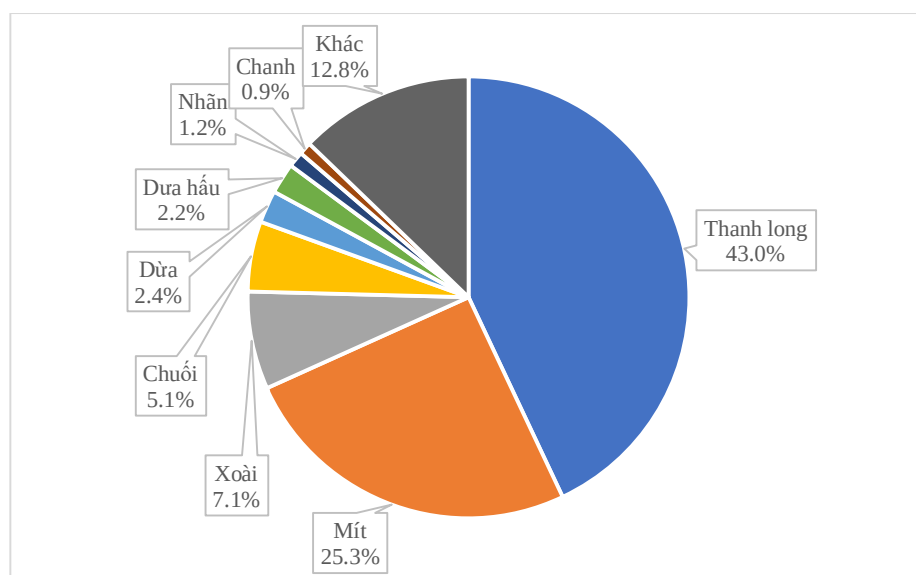
Hình 5: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 12 năm 2020, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 124,7 triệu USD (chiếm 84,8% thị phần, giảm 23,8% so với cùng kỳ năm 2019) và rau quả chế biến đạt 22,4 triệu USD (chiếm 15,2%, giảm 7,5%). So sánh với cùng kỳ năm 2019, mặt hàng trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 18,9 triệu USD, giảm 12,1%; nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,8 triệu USD, tăng 38,8%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 938,5 nghìn USD, tăng 16,3%; ...

Hình 6: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 12/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12 năm 2020, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm thanh long đạt 63,2 triệu USD (chiếm 43% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này, giảm 12,4% so với cùng kỳ năm 2019); mít đạt 37,2 triệu USD (chiếm 25,3%, tăng 133,8%); xoài đạt 10,5 triệu USD (chiếm 7,1%, giảm 51,2%); chuối đạt 7,5 triệu USD (chiếm 5,1%, giảm 32,9%), dừa đạt 3,5 triệu USD (chiếm 2,4%, giảm 13,3%), chanh đạt 3,3 triệu USD (chiếm 2,2%, giảm 31,7%),...

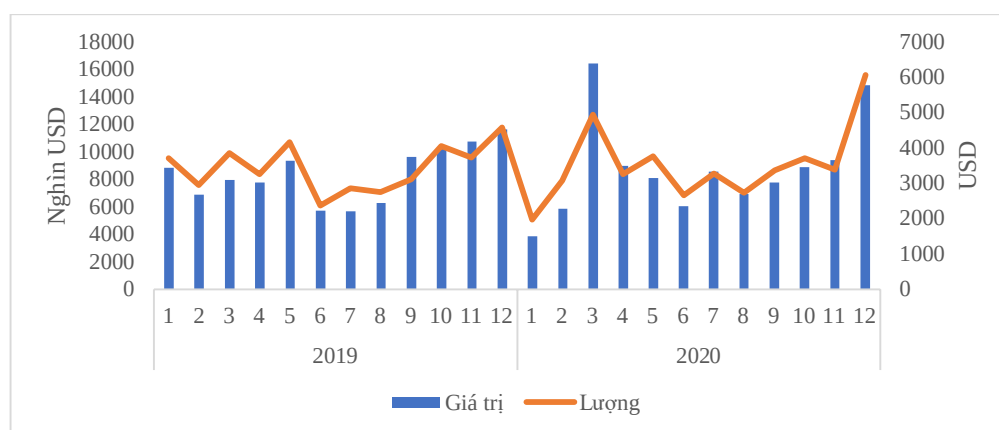
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 12 năm 2020 đạt 40,7 triệu USD, chiếm 27,4% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 35,4 triệu USD). Giá trị nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc trong năm 2020 đạt 359,9 triệu USD, giảm 21% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 455,6 triệu USD). Trong tháng 12/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là nấm các loại đạt 7,2 triệu USD (chiếm 17,6%, giảm 23,2 so với cùng kỳ năm trước); tỏi đạt 6,3 triệu USD (chiếm 15,6%, tăng 11,5%); hành các loại đạt 3,2 triệu USD (chiếm 7,8%, tăng 7,4%); quýt đạt 2,4 triệu USD (chiếm 5,9%, tăng 207,4%); táo đạt 2,2 triệu USD (chiếm 5,3%, tăng 23,2%); cà rốt đạt 2 triệu USD (chiếm 4,8%, tăng 44,3%),...

Trong tháng 12/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công ty TNHH XNK Yuelaimei, Công ty TNHH Đầu tư XNK Thiên Thành và Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 3,3%; 2,9% và 2,6%.

4. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc tăng mạnh trong tháng cuối năm. Tháng 12/2020, Việt Nam xuất khẩu đạt 6,06 nghìn tấn, giá trị đạt 14,8 triệu USD, tăng 32% về khối lượng và tăng 27% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. So với tháng 11/2020, xuất khẩu đã tăng 58% về khối lượng và tăng 79% về giá trị. Cả năm 2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường này đạt 42,2 nghìn tấn và đạt 105 triệu USD, tăng 2,5% về khối lượng và tăng 4,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

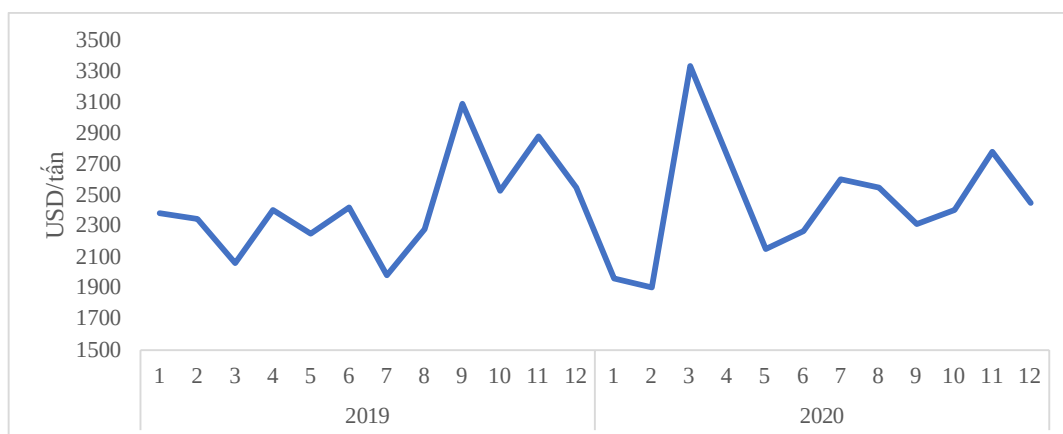
Hình 7: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc là 2.448 USD/tấn, giảm 11% so với tháng 11/2020 và giảm 3,95% so với tháng 12/2019. Tính chung năm 2020, giá cà phê xuất khẩu tại Trung Quốc tăng 0,97% so với cùng kỳ năm 2019, mức giá bình quân đạt 2.454 USD/tấn.

Hình 8: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc

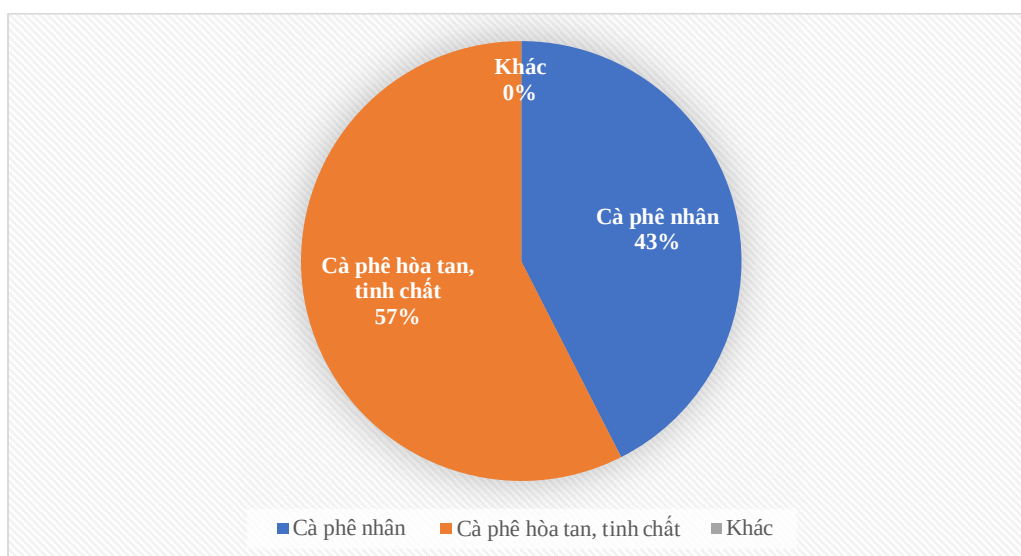


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) xuất khẩu trong tháng 12/2020 đạt 5,8 triệu USD chiếm 39% tổng giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc, tăng 131% so v, Cà phê đã rang, chưa khử cafein đạt 152 nghìn USD, chiếm 1%, cà phê hòa tan, chiết xuất cô đặc (2101) đạt 8,8 triệu USD chiếm 59% tổng xuất khẩu, tăng 5% so với tháng trước.

Tính chung năm 2020, giá trị xuất khẩu cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) đạt 35 triệu USD, chiếm tỷ trọng 33% trong tổng xuất khẩu, tăng 15% so với năm 2019. Cà phê chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090112) đạt 900 USD, chiếm tỷ trọng nhỏ hơn 1%, giảm 90% so với cùng kỳ năm 2019; cà phê rang, chưa khử caffein (mã HS 090121) đạt 9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8%, tăng 78% so với năm trước, cà phê đã rang, đã khử caffein (mã HS 090122) xuất khẩu đạt 200 USD, chiếm nhỏ hơn 0,5%, giảm 97% so với cùng kỳ năm 2019. Sản phẩm cà phê chế biến sâu giảm 8% so với năm 2019 xuống còn 60 triệu USD.

Hình 9: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tại Trung Quốc đang có sự cạnh tranh khốc liệt giữa các chuỗi cà phê. Hiện chuỗi cửa hàng thức ăn nhanh McDonalds đang đầu tư 380 triệu USD để mở 2.500 địa điểm McCafé mới ở Trung Quốc đại lục trong ba năm tới, đặt ra sự cạnh tranh gay gắt đối với sự thống trị hiện tại của Starbucks, chuỗi cà phê đã giữ vị trí dẫn đầu thị trường với 4.700 địa điểm trên khắp quốc gia. Tuy nhiên, McDonald's, đặt ra một mối đe dọa nghiêm trọng hơn, vì đã điều hành hơn 3.600 cửa hàng đồ ăn nhanh tại Trung Quốc và đã có mặt ở đại lục, đồng thời là một thương hiệu mạnh, kể từ những năm 1990. Và hơn 1.500 địa điểm McCafé hiện tại đã hoạt động ở Trung Quốc. Không giống như mô hình kinh doanh cao cấp hơn của Starbucks Trung Quốc,

McCafé có thể sẽ tập trung vào việc phục vụ tầng lớp trung lưu đang phát triển của đất nước với giá cả thấp hơn và các tùy chọn giao hàng. Phần lớn khoản đầu tư của McDonald's dự kiến sẽ dành cho việc nâng cấp và cải tạo cơ sở.

Starbucks đã công bố mở rộng 600 địa điểm mới cho năm tài chính 2021, nhằm đến việc mở nhiều địa điểm cho phép khách hàng ở các thành phố đô thị tùy chỉnh và thanh toán đồ uống của họ thông qua điện thoại thông minh, sau đó nhanh chóng nhận đơn đặt hàng mà không cần chờ đợi nhiều.

Luckin Coffee Inc., công ty khởi nghiệp đầy tham vọng của Trung Quốc đã nộp đơn đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng tại Mỹ và tìm cách niêm yết trên Nasdaq với mã LK. Công ty có trụ sở tại Bắc Kinh được cho là có kế hoạch huy động khoảng 300 triệu USD trong đợt IPO.

5. CAO SU

Theo số liệu thống kê của Hải quan Trung Quốc, trong 11 tháng năm 2020, nhập khẩu cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005) của Trung Quốc đạt 9,76 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2019. Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Indonesia và Hàn Quốc là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc. Trong 11 tháng năm 2020, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc với 1,51 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2020 chiếm 15,52%, tăng so với mức 14,11% của 11 tháng năm 2019.

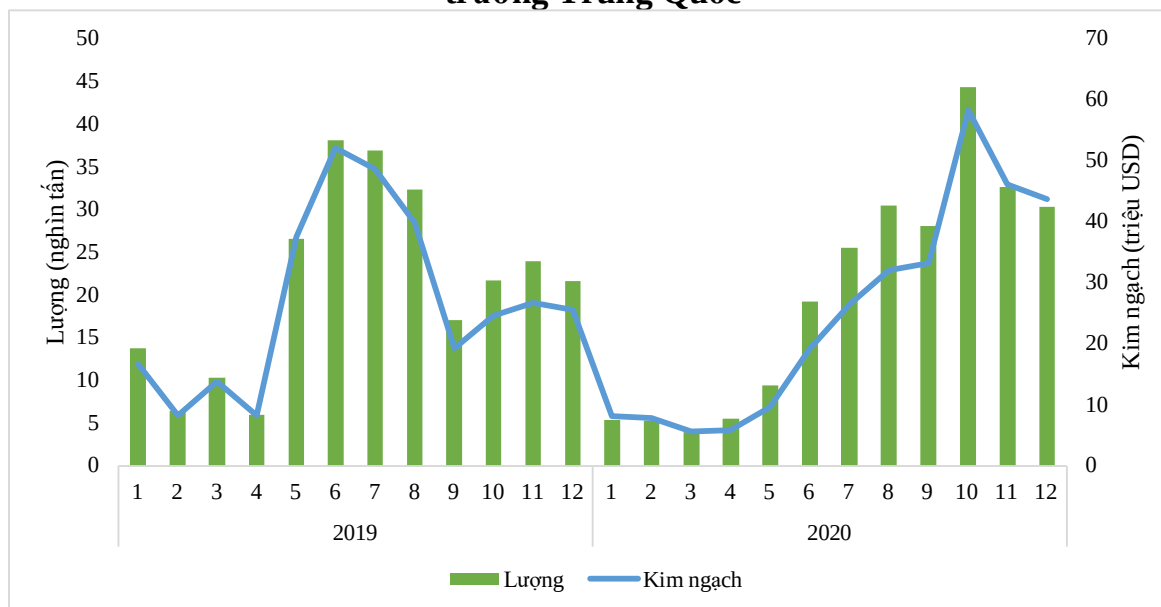
Về chủng loại nhập khẩu, trong 11 tháng năm 2020, Trung Quốc nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS: 4001) đạt 2,63 tỷ USD, giảm 13,5% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc nhập khẩu cao su tự nhiên chủ yếu từ các thị trường như: Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Việt Nam và Bờ Biển Ngà.

Bộ Thương mại Trung Quốc đã chính thức áp thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng cao su từ Mỹ, Hàn Quốc và Liên minh Châu Âu (EU) kể từ ngày 20/12/2020, do ngành công nghiệp nội địa của nước này đã phải chịu thiệt hại đáng kể bởi các đối tác thương mại bán phá giá các sản phẩm cao su tổng hợp. Để giải quyết tình trạng bán phá giá, các mức thuế được áp dụng trong vòng 5 năm là 12,5 - 222% đối với các công ty nhập khẩu sản phẩm cao su tổng hợp, được dùng rộng rãi trong xây dựng, dây điện và công nghiệp ô tô.

Theo số liệu công bố của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 12/2020, xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc ước đạt 176,7 nghìn tấn với trị giá 275,7 triệu

USD, tăng 20,1% về khối lượng và 35,8% về giá trị so với cùng kỳ 2019. Lũy kế cao su xuất khẩu sang thị trường này năm 2020 ước đạt 1,4 triệu tấn, trị giá 1,8 tỷ USD, tăng 17,3% về khối lượng và 18,1% về giá trị so với cùng kỳ 2019.

Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001) sang thị trường Trung Quốc

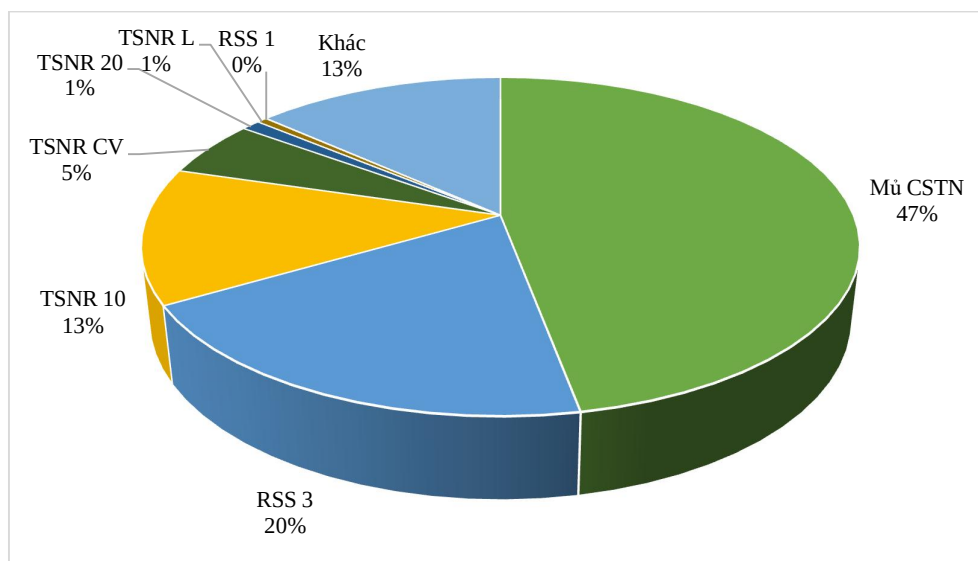


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001), tháng 12/2020, xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Trung Quốc ước đạt 30,3 nghìn tấn với trị giá 43,6 triệu USD, giảm 7,1% về khối lượng và 5,3% về giá trị so với tháng trước, tuy nhiên tăng tăng 40,1% về khối lượng và 71,6% về giá trị so với cùng kỳ 2019. Lũy kế cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường này năm 2020 ước đạt 239,9 nghìn tấn, trị giá 295,6 triệu USD, giảm 5,7% về khối lượng và 7,8% về giá trị so với cùng kỳ 2019.

Năm 2020, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 139,0 triệu USD, chiếm 47,0% tổng giá trị xuất khẩu và tăng 68,1% so với năm 2019. Đứng thứ hai là tấm cao su xông khói RSS 3 với kim ngạch 57,9 triệu USD, chiếm 19,6% tổng giá trị xuất khẩu và tăng nhẹ 0,8% so với năm 2019. Tiếp theo là cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 và TSNR CV, chiếm lần lượt 13,0% và 5,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

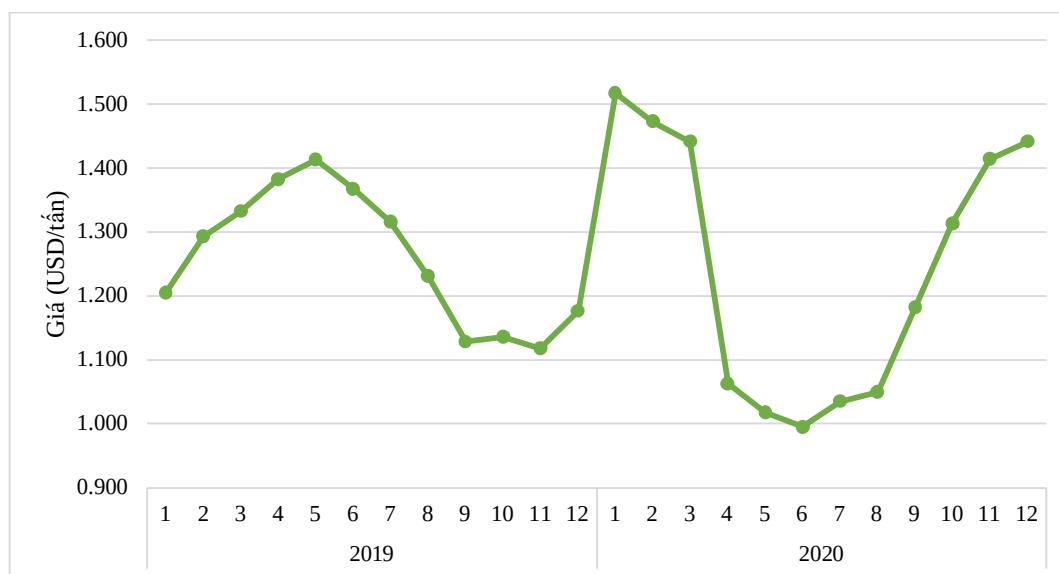
Hình 11: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc có xu hướng tăng mạnh vào thời điểm cuối năm đạt mức 1.442 USD/tấn trong tháng 12/2020 tăng 2,0% so với tháng trước và 22,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 12: Giá cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



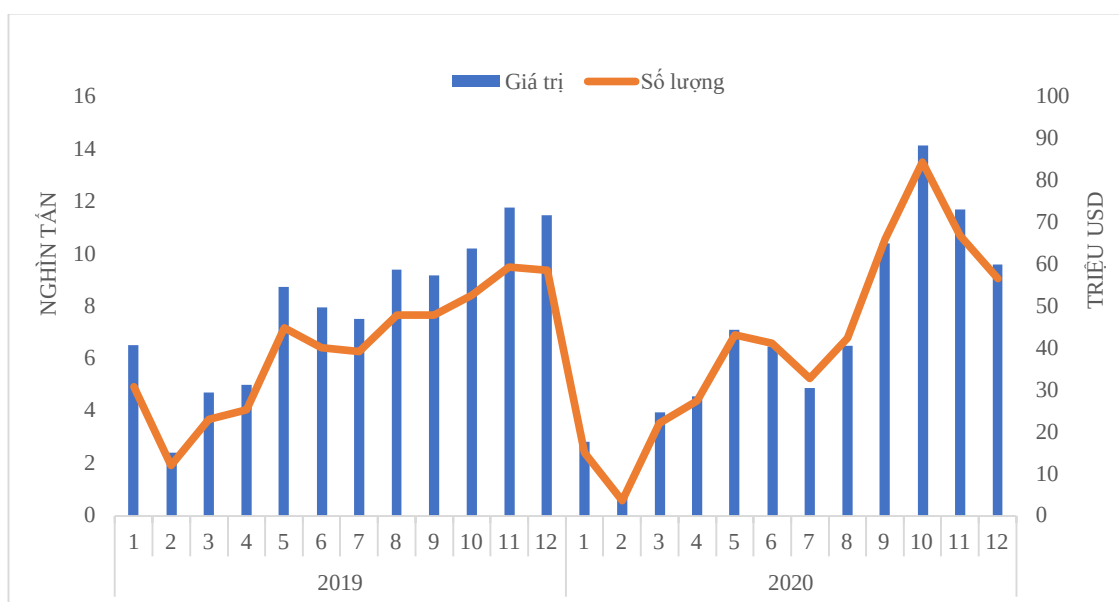
Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. HẠT ĐIỀU

Trung Quốc là một trong 3 thị trường xuất khẩu điều lớn nhất ở Việt Nam, trong thời gian gần đây, trước việc kiểm tra về Covid 19 đối với các hàng hóa nhập khẩu hóa nhập khẩu vào nước này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề nghị Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam trao đổi với Tổng cục Hải quan Trung Quốc về việc lập danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu vào “luồng xanh” trong đó có hạt điều được miễn thuế quản lý, kiểm tra hàng hóa để giảm thời gian thông quan qua cửa khẩu. Điều này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu nông sản sang nước này trong thời gian tới.

Theo VINACAS, nhu cầu nhập khẩu điều của Trung Quốc những tháng cuối năm có xu hướng giảm do tác động của dịch Covid mặc dù vào dịp tết cổ truyền của nước này nhưng nhu cầu tiêu thụ không lớn. Do nhu cầu tiêu thụ thấp nên giá thu mua điều ở quốc gia này cũng thấp hơn. Cụ thể đối với loại điều W320 giá thu mua ở mức 7,30 – 7,50 USD/kg; W240 mức 8,30 USD/kg thùng thớt.

Hình 13: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc



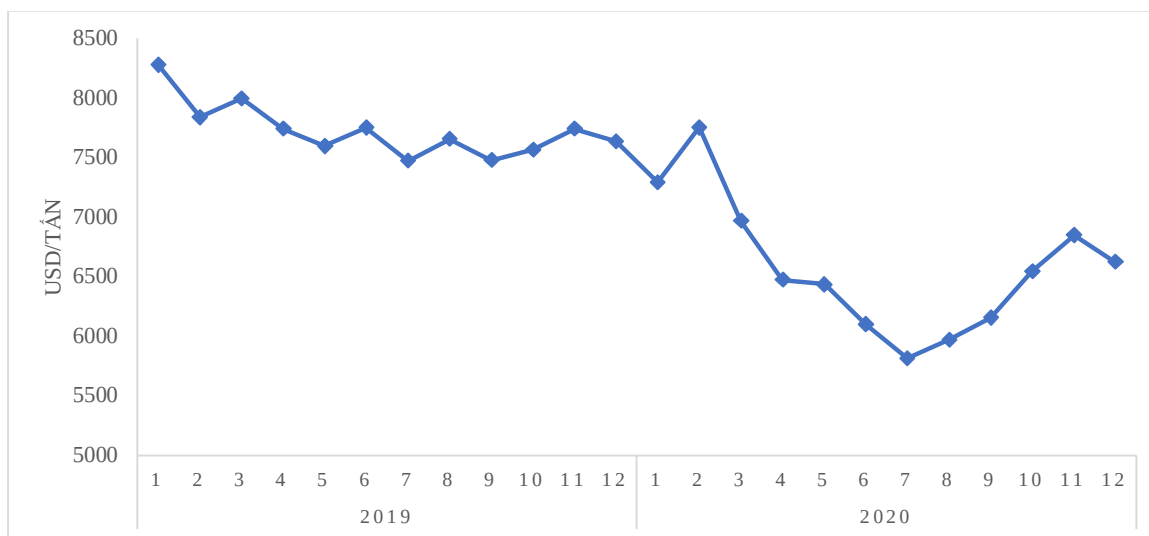
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2020, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 9,05 nghìn tấn, trị giá 59,96 triệu USD, giảm 15,19% về khối lượng và 17,94% về giá trị so với tháng 11/2020, và giảm 3,36% về khối lượng và 17,16% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị

trường này trong năm 2020 đạt 80,24 nghìn tấn và 517,36 triệu USD, tăng 4,20% về khối lượng và giảm 12,63% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường Trung có xu hướng giảm trong tháng 12/2020 đạt 6.626,59 USD/tấn, giảm 3,24% so với tháng 11/2020, và giảm 13,25% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Theo Tổng cục Thống kê Trung Quốc, năm 2020, sản lượng thịt lợn giảm 3,3% so với năm 2019, đạt 41,13 triệu tấn, sau khi suy giảm tới 21% trong năm 2019. Trong năm 2020, sản lượng giết mổ của Trung Quốc là 527,04 triệu con, giảm 3,2% so với năm 2019. Theo Reuter, sản lượng thịt lợn của Trung Quốc năm 2020 phục hồi mạnh sau khi ngành này bị thiệt hại nặng nề bởi dịch tả lợn trong năm 2019, theo số liệu công bố chính thức cho thấy. Sản lượng thịt lợn trong quý 4/2020 tăng vọt lên 13 triệu tấn, theo tính toán của Reuters dựa trên các số liệu đã công bố. Con số này cao hơn tới 21% so với mức sản lượng 10,74 triệu tấn trong quý 4/2019 và chỉ hơn 8,4 triệu tấn trong quý 3/2020.

Bất chấp phục hồi mạnh về sản lượng, giá thịt lợn vẫn tăng mạnh từ cuối tháng 11, chạm mốc 47 NDT/kg hồi tuần trước, gần tương đương mức giá cùng kỳ năm 2020. Theo Cục Thống kê Trung Quốc, giá thịt lợn tại nước này đã tăng hơn gấp đôi hồi đầu năm 2020 và giá này tiếp tục đà tăng trong 19 tháng liền. Nhưng kể từ tháng 10 đến nay, giá thịt lợn tại nước này đã bắt đầu giảm, lần lượt là 2,8%, 12,5% và 1,3% so với cùng kỳ năm trước đó. Điều này cho thấy xu hướng thịt lợn bắt đầu giảm. Năm

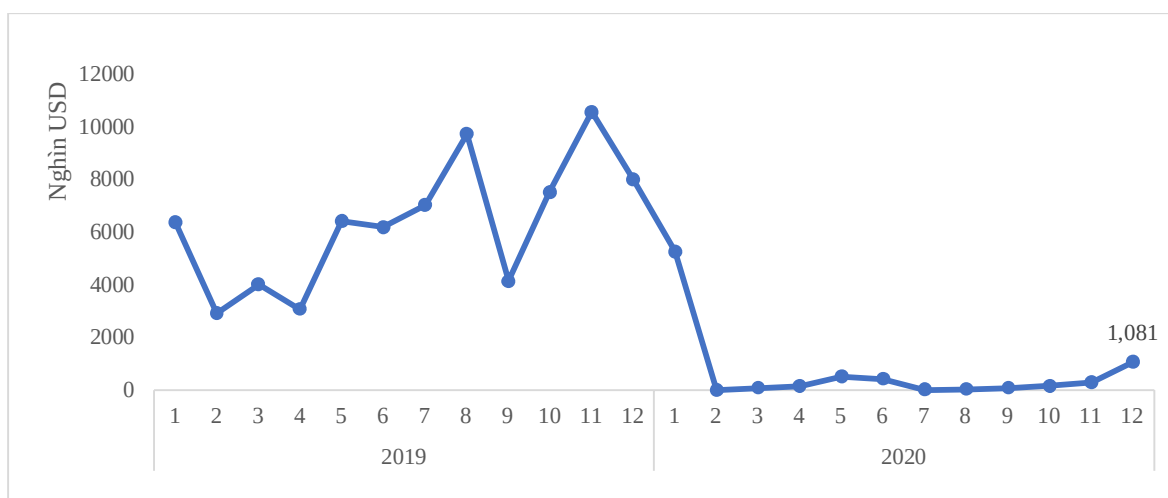
2020, đàn lợn của Trung Quốc đang dần phục hồi sau đợt dịch tả lợn châu Phi hồi cuối năm 2018, làm chết hàng triệu con lợn, gây gián đoạn nguồn cung thịt lợn và đẩy giá lên cao kỷ lục. Sau rất nhiều nỗ lực của Chính phủ và chính quyền các địa phương nước này, xu hướng giá thịt lợn tăng kéo dài suốt 2 năm qua đã chững lại. Tuy nhiên, trong những tuần đầu đầu năm 2021, dịch COVID-19 đang bắt đầu bùng phát tại một số địa phương ở Trung Quốc, buộc chính quyền phải ra lệnh phong tỏa khiến việc vận chuyển, phân phối thịt lợn bị chậm trễ. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ thịt lợn tăng mạnh trong dịp Tết Nguyên đán khiến giá thịt lợn bắt đầu tăng trở lại.

Tân Hoa Xã dẫn thông tin từ Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia cho biết, chính quyền Trung Quốc hôm 21.1 đã xuất 30.000 tấn thịt lợn từ nguồn dự trữ quốc gia để tăng nguồn cung thịt cho kỳ nghỉ Tết nguyên đán. Tổng cộng 150.000 tấn thịt lợn dự trữ đã được tung ra thị trường kể từ ngày 17.12.2020 để đảm bảo cung cấp cho các dịp Tết dương lịch và Tết âm lịch.

Về tình hình nhập khẩu, theo Reuters dẫn nguồn từ dữ liệu hải quan Trung Quốc, nước này đã nhập khẩu 9,91 triệu tấn thịt trong năm 2020. Các đơn hàng nhập khẩu thịt của Trung Quốc đã tăng 60,4% so năm 2019.

Đối với Việt Nam giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc tháng 12/2020 đạt 1,08 triệu USD, chiếm 9% tổng giá trị xuất khẩu thịt trong tháng 12 của Việt Nam, giảm 86,5% so với cùng kỳ năm 2019. Tính cả năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu thịt và các sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 8,25 triệu USD, giảm 89,2% so với năm 2019.

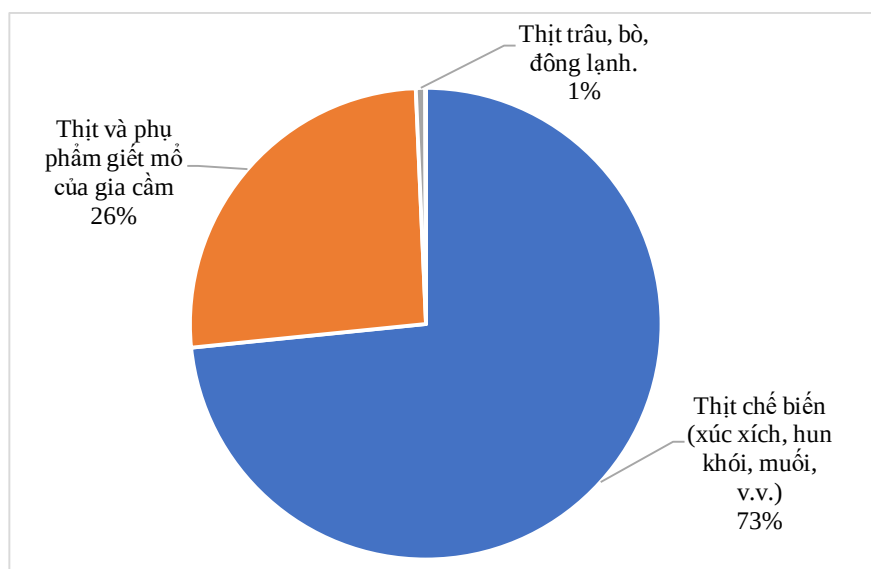
Hình 15: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong năm 2020, sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam xuất sang Trung Quốc chủ yếu gồm các sản phẩm chế biến từ thịt đạt 6,05 triệu USD, chiếm 73,4%; chân gà đạt 2,14 triệu USD, chiếm 25,9%; ngoài ra là một số sản phẩm thị trâu bò đông lạnh, chỉ chiếm dưới 1%.

Hình 16: Cơ cấu các loại thịt và sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính cả năm 2020, chỉ có 23 doanh nghiệp của Việt Nam có hoạt động xuất khẩu các sản phẩm thịt sang thị trường Trung Quốc, trong đó 3 doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu cao nhất là công ty TNHH dịch vụ và xuất nhập khẩu Thành Long (21,38%); Công Ty Cổ Phần Chế Biến Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Hải Phòng (12,46%) và Công ty TNHH Chế Biến Và Xuất khẩu Thủy sản Quảng Ninh (11,64%).

Về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt của Việt Nam từ thị trường Trung Quốc trong năm 2020 đạt 965,1 nghìn USD, giảm 12,9% so với năm 2019. Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là ba ba sống (chiếm 98,1%).

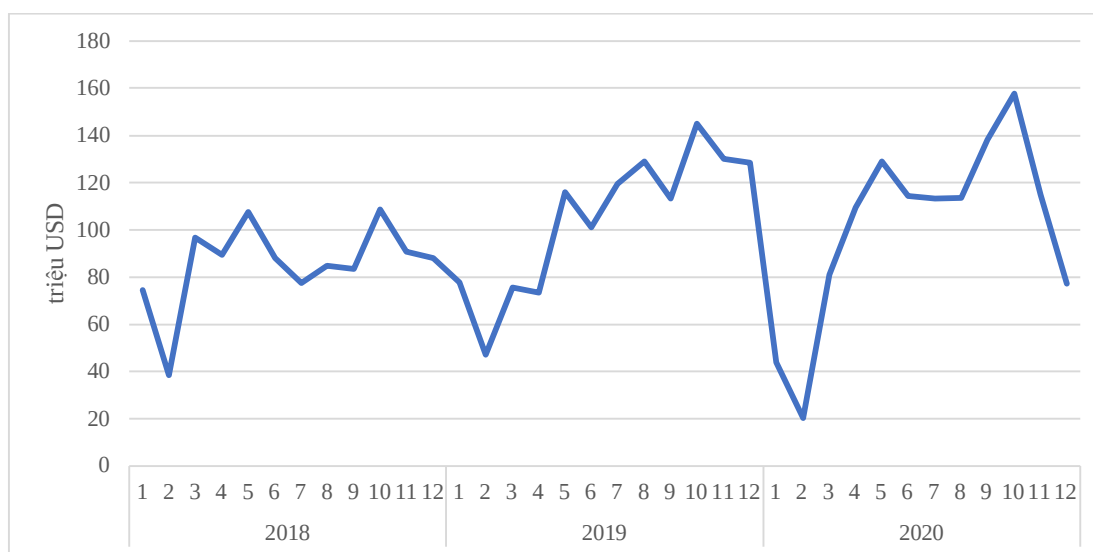
8. THỦY SẢN

Theo Undercurrentnews, người tiêu dùng ở Trung Quốc lo ngại rằng hải sản nhập khẩu có thể bị nhiễm virus COVID-19 đã khiến nhập khẩu hải sản của Trung Quốc giảm mạnh, giảm khoảng 13% trong năm 2020. Theo các nhà nhập khẩu của Trung Quốc nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này bên cạnh nhu cầu tiêu dùng trong nước giảm thì nguyên nhân không kém phần quan trọng khác đó là quy trình nhập khẩu trong giai đoạn này bị siết chặt và tốn nhiều thời gian thủ tục hơn.

Nhu cầu thủy sản của thị trường Trung Quốc giảm cộng với số lượng container sẵn có sụt giảm đã tác động lớn với các nước xuất khẩu thủy sản vào thị trường này. Theo Chủ tịch Hiệp hội Xuất khẩu Thủy sản Quốc gia Ấn Độ (SEAI), cho biết nhu cầu thủy sản của Trung Quốc và số lượng container sẵn có giảm có thể khiến xuất khẩu thủy sản của Ấn Độ sụt 20% trong năm tài khóa hiện tại. Bên cạnh đó, Trung Quốc siết chặt kiểm dịch Covid -19 với hàng đông lạnh nhập khẩu ảnh hưởng lớn đến giá trị xuất khẩu của các nước trong đó có cả Việt Nam.

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, năm 2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc đạt 1,21 tỷ USD giảm 3,44% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 14,42% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Tính riêng tháng 12/2020, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 77,20 triệu USD, giảm 39,92% so với cùng kỳ năm 2019, giảm 32,77% so với tháng 11/2020. Cá tra và tôm vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính: tôm chiếm 28,21%; cá tra chiếm 34,96%.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc

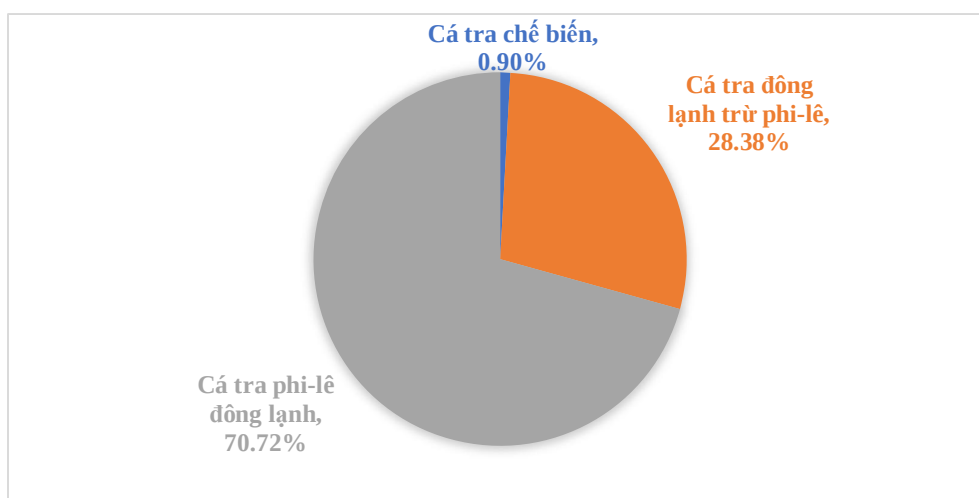


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 12 năm 2020 đạt, 21,78 triệu USD, giảm 47,50% so với cùng kỳ năm 2019 đưa giá trị xuất khẩu tôm năm 2020 sang thị trường này đạt 443,02 triệu USD, giảm 3,41%. Giá trị xuất khẩu tôm có xu hướng giảm mạnh trong tháng này. Cụ thể, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 10,76 triệu USD, chiếm 49,42% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, giảm 50,15% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 6,61 triệu USD, chiếm 30,64%, giảm 59,04%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 4,41 triệu USD, chiếm 20,23%, tăng 17,34% so với năm 2019.

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 12 năm 2020 đạt 26,99 triệu USD, giảm 61,83% so với cùng kỳ năm 2019, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra sang thị trường này năm 2020 đạt 462,66 triệu USD, giảm 23,53% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 12/2020, giá trị xuất khẩu cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê sang thị trường Trung Quốc đạt 7,66 triệu USD, giảm 4,46% so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra chế biến đạt 0,24 triệu USD, giảm 81,58%; Cá tra phi-lê đạt 19,09 triệu USD, giảm 68,90%.

Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 12/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc như sau: Mực và bạch tuộc đạt 6,63 triệu USD, tăng 2,27 lần so với cùng kỳ năm 2019; Cua-ghe đạt 6,73 triệu USD, tăng 3,96 lần; Các loại thủy sản khác đạt 14,96 triệu USD, tăng 17,34%; cá ngừ đạt 0,11 triệu USD, giảm 72,01%

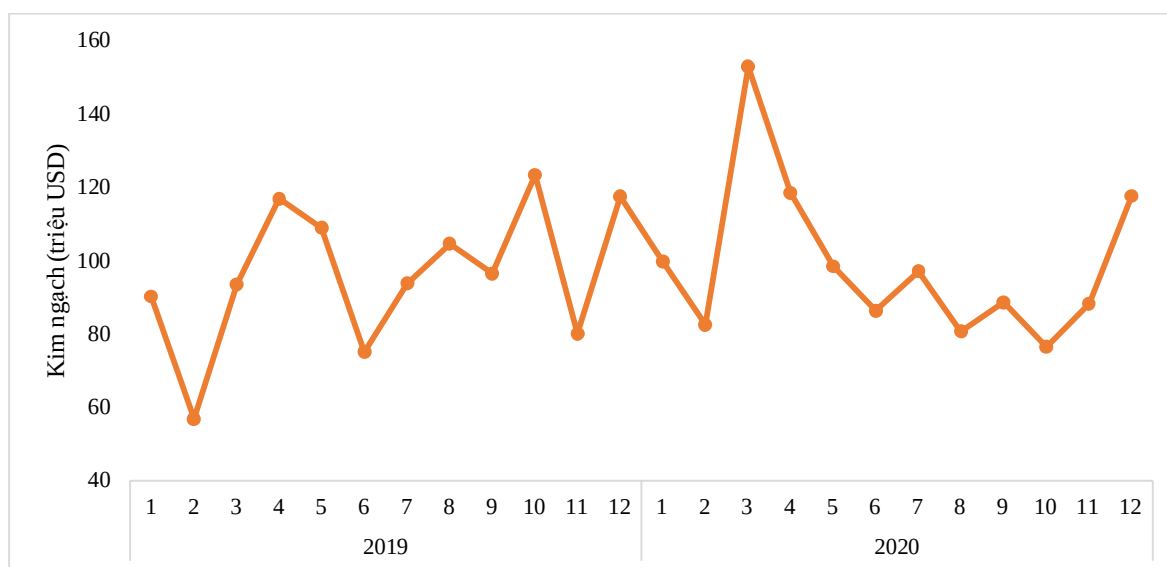
Giá cá tra phi lê tháng 12/2020 đạt trung bình 1,96 USD/kg, tăng 12,11% so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt trung bình 1,77 USD/kg; giảm 16,61%; Tôm các loại thuộc mã HS 03 đạt trung bình 9,80 USD/kg, tăng 5,20%.

Tháng 12 năm 2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Trung Quốc là Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất Thương Mại Anh Nhân đạt 6,24 triệu USD, chiếm 8,05% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH MTV kinh doanh chế biến thủy sản nhập khẩu Bạch Linh đạt 2,89 triệu USD chiếm 3,73%; Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đạt 2,76 triệu USD chiếm 3,56%.

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo số liệu công bố của Tổng cục Hải quan, tháng 12/2020, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 119,2 triệu USD, giảm nhẹ 0,2% so với cùng kỳ 2019. Lũy kế xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường này năm 2020 ước đạt 1,2 tỷ USD, tăng 3,2% so với năm 2019.

Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) sang thị trường Trung Quốc

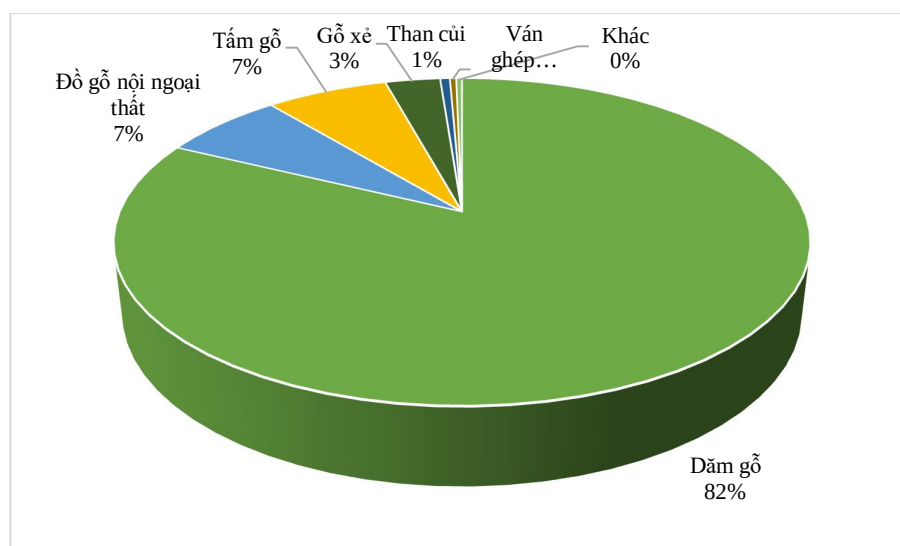


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 và 9403, tháng 12/2020, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc ước đạt 117,7 triệu USD, tăng 33,3% so với tháng trước, và tăng nhẹ 0,1% so với cùng kỳ 2019. Lũy kế xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường này năm 2020 ước đạt 1,2 tỷ USD, tăng 2,6% so với năm 2019.

Năm 2020, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 976,5 triệu USD, chiếm 82,2% tổng giá trị xuất khẩu và tăng 4,4% so với năm 2019. Đứng thứ hai là đồ gỗ nội ngoại thất với kim ngạch 80,6 triệu USD, chiếm 6,8% tổng giá trị xuất khẩu và giảm 21,3% so với năm 2019. Tiếp theo là tấm gỗ và gỗ xẻ, chiếm lần lượt 6,8% và 3,0% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

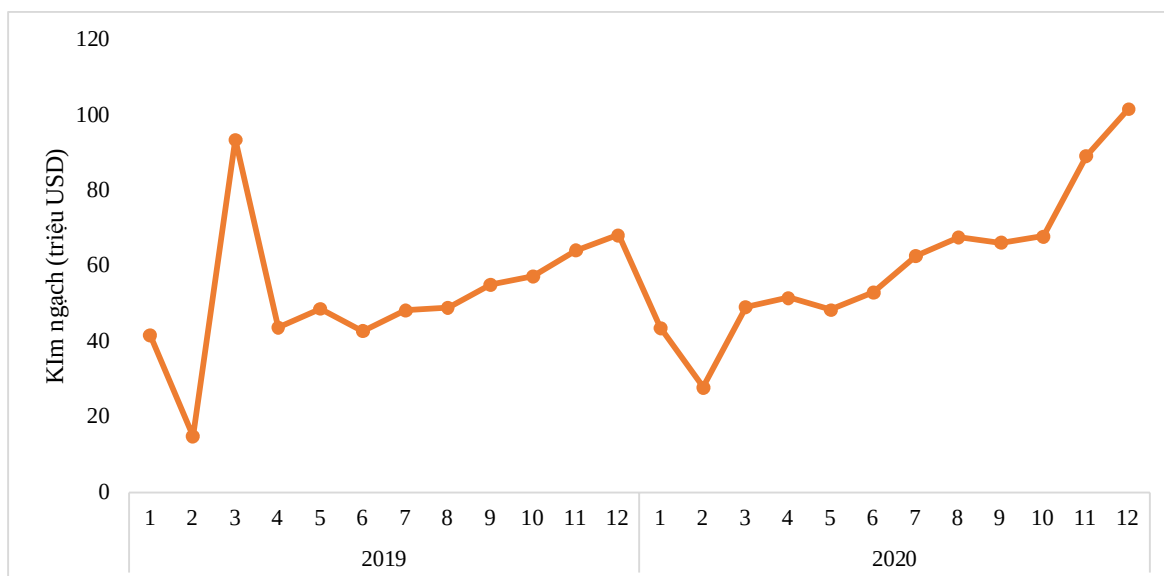
Hình 20: Chủn loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2020, kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS: 44 và 9403) từ thị trường Trung Quốc ước đạt 101,7 triệu USD, tăng 14,1% so với tháng trước, và tăng mạnh 49,2% so với cùng kỳ 2019. Lũy kế nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ thị trường này năm 2020 ước đạt 729,0 triệu USD, tăng 16,2% so với năm 2019.

Hình 21: Kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) từ thị trường Trung Quốc

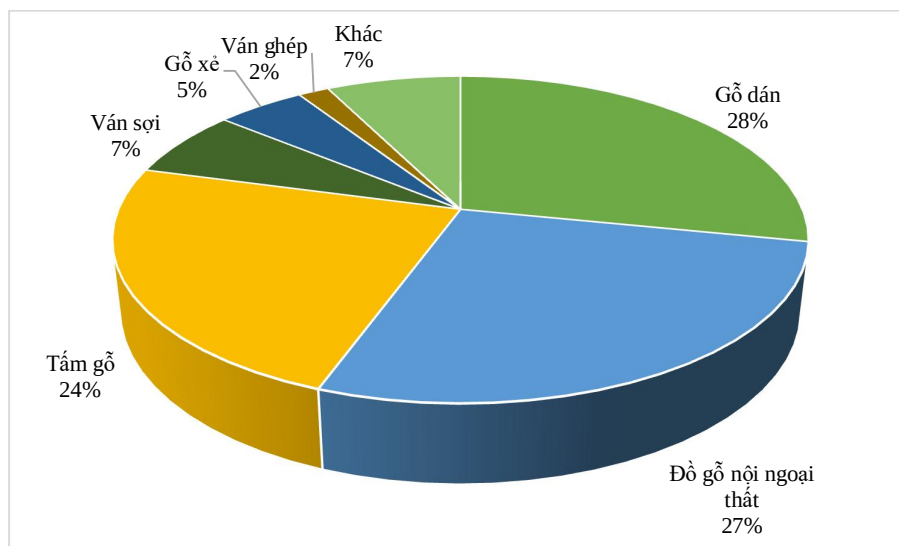


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Năm 2020, gỗ dán là chủn loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) có giá trị nhập khẩu lớn nhất từ thị trường Trung Quốc đạt 205,3 triệu USD, chiếm 28,2%

tổng giá trị nhập khẩu và tăng 16,0% so với năm 2019. Thứ hai là đồ gỗ nội ngoại thất với kim ngạch 119,8 triệu USD, chiếm 27,4% tổng giá trị nhập khẩu và tăng 47,5% so với năm 2019. Tiếp theo là tấm gỗ và ván sợi chiếm lần lượt 23,6% và 6,7% tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Trung Quốc năm 2020.

Hình 22: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc theo kim ngạch năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Theo Cục Thống kê Trung Quốc, mặc dù trong năm 2020, Trung Quốc phải đối mặt với nhiều thách thức như dịch Covid-19 và lũ lụt sông Dương Tử, nhưng sản lượng lúa gạo trong năm 2020 vẫn tăng khoảng 1,1% so với năm trước. Đặc biệt, trong tháng 01/2020, nước này đã bắt đầu triển khai mở rộng gieo trồng loại giống lúa mới thích ứng với đất mặn và phèn với năng suất có thể lên tới 8-9 tấn/ha. Điều này dự báo trong tương lai năng lực an ninh lương thực của nước này sẽ càng được đẩy mạnh. Hiện Trung Quốc chỉ nhập khẩu chủ yếu gạo nếp từ Việt Nam do nước này không trồng nhiều loại lúa này. Trong vài tháng gần đây, việc liên tục nhập lượng gạo nếp cao hơn so với cùng kỳ năm trước đã dần khiến nhu cầu trở nên bão hòa hơn, do đó, trong tháng 2/2021 khi dịp Tết Nguyên đán diễn ra, việc nhập khẩu có thể giảm xuống.

2. Rau quả

Vừa qua, cơ quan chức năng Trung Quốc đã thông báo tiến hành kiểm tra và khử trùng phòng dịch đối với hàng hóa được vận chuyển trong công-ten-nơ thông thường do lo ngại dịch Covid-19 dễ lây lan qua biên giới khi nhiệt độ xuống thấp vào mùa đông và mùa xuân. Vì vậy, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh rau quả xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng cường công tác giám sát chất lượng của hàng hóa, tránh vi phạm các quy định của Trung Quốc về tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm kiểm dịch, an toàn thực phẩm, góp phần góp quá trình thông quan diễn ra thuận lợi hơn.

Khi Trung Quốc yêu cầu gắn mã QR đối với sản phẩm nông sản Việt Nam khi nhập khẩu vào thị trường này, sẽ khiến doanh nghiệp Việt Nam càng khó khăn hơn nhất là khi doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa quen với môi trường kinh doanh thương mại điện tử (e-commerce), như dán tem điện tử, truy xuất nguồn gốc... cho hàng hóa. Hiện tại trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, việc gắn tem truy xuất nguồn gốc dù đã được triển khai ở một số doanh nghiệp nhưng chưa được quan tâm nhiều. Những doanh nghiệp nông nghiệp quy mô nhỏ, hộ nông dân... gặp khó khi đầu tư vào các quy trình kỹ thuật có liên quan đến khoa học công nghệ, kỹ thuật cao... Chưa kể đến, chi phí cho các hoạt động đầu tư này cũng rất tốn kém. Tuy nhiên, doanh nghiệp xuất khẩu nông sản Việt Nam hẳn cũng không bị "sốc" vì yêu cầu gắn mã QR của Trung Quốc. Gần đây, Trung Quốc liên tục đưa ra các quy định nhằm siết chặt hoạt động xuất khẩu nông sản vào thị trường này và sẽ còn nhiều quy định khác nữa liên quan

đến chất lượng sản phẩm. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần chuẩn bị trước, sẵn sàng thay đổi để phù hợp với quy định của đối tác.

3. Cà phê

Theo báo cáo mới nhất của USDA, tiêu thụ nội địa của Thị trường Trung Quốc niên vụ 2020/2021 là khoảng 201 nghìn tấn, tăng 2,92% so với niên vụ 2019/2020, nhập khẩu là khoảng 171 nghìn tấn, giảm 3,72% so với niên vụ trước. Trong khi các thành phố của Trung Quốc đang trở thành thị trường tiêu thụ cà phê, một số nông dân ở nông thôn Trung Quốc đang tập trung vào sản xuất cà phê với xu hướng phát triển cà phê chất lượng cao hơn.

4. Cao su

Trung Quốc là nhà nhập khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam trong năm 2020. Tuy nhiên trong 2 tháng cuối năm 2020, quốc gia này đã giảm mạnh lượng nhập khẩu cao su so với những tháng trước đó, cho thấy một lượng lớn cao su nguyên liệu đã được tích lũy. Do đó, dự báo trong năm 2021 nhiều khả năng Trung Quốc sẽ giảm nhập khẩu cao su do đã dự trữ lượng hàng nội địa khổng lồ.

Ngoài ra, Trung Quốc và nhiều nước sản xuất và xuất khẩu cao su ở Châu Á nghỉ Tết cổ truyền, các nhà máy đóng cửa, giới đầu tư phải chờ cho đến khi giao dịch bắt đầu để thăm dò diễn biến của thị trường, do đó thị trường cao su sẽ trầm lắng, dự kiến kéo dài đến cuối tháng 2.

5. Hạt điều

Thị trường Trung Quốc vẫn được xem là một trong những thị trường dễ tính tuy nhiên những năm gần đây yêu cầu về chất lượng sản phẩm nhập khẩu của nước này đối với các mặt hàng nông sản nói chung và mặt hàng điều nói riêng đang đòi hỏi nhiều hơn về chất lượng sản phẩm. Nhất là trong giai đoạn hiện nay Trung Quốc kiểm tra khắt khe hơn. Các doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược phù hợp nâng cao chất lượng sản phẩm và chuỗi cung ứng.

6. Thủy sản

Theo VASEP dự báo xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc vẫn tiếp tục gặp khó khăn trong các tháng đầu năm 2021. Doanh nghiệp xuất khẩu cần chú ý các giấy tờ bắt buộc khi xuất khẩu thủy sản đông lạnh vào thị trường này, bao gồm 4 loại chứng nhận mới được đưa ra tiêu thụ gồm tờ khai hải quan, chứng nhận kiểm nghiệm kiểm dịch xuất khẩu, chứng nhận cách ly và sát trùng, báo cáo đạt yêu cầu về xét nghiệm Nucleic Acid Coronavirus để chuẩn bị cho quá trình xuất khẩu nhanh nhất.

7. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Bắt đầu từ ngày 01/01/2021, Trung Quốc tiến hành điều chỉnh thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng bao gồm một số mặt hàng thuộc danh mục tối huệ quốc (MFN), thuế quan thông thường và thuế quan tạm thời. Việc cắt giảm thuế quan sẽ được thực hiện theo các hiệp định thương mại tự do mà Trung Quốc đã ký với các nước bao gồm New Zealand, Peru, Costa Rica, Thụy Sĩ, Iceland, Pakistan, Chile, Australia, Hàn Quốc, Georgia cũng như hiệp định thương mại châu Á-Thái Bình Dương, Khu vực Đối tác Kinh tế Toàn diện (RCEP). Theo đó, thuế nhập khẩu đối với hơn 100 sản phẩm gỗ sẽ được giảm, khiến nhu cầu nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của các doanh nghiệp Trung Quốc sẽ tăng lên. Đây là điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất và thương mại gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 12/2020

STT	Sản phẩm	Tháng 12/2020 (USD)	Tăng/giảm so T11/2020	Tăng/giảm so T12/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	14.844.752	58,0%	27,4%	1,6%
2	Cao su	275.690.693	3,6%	35,1%	30,6%
3	Chè	1.348.723	58,2%	19,3%	0,1%
4	Gạo	31.360.468	-39,8%	109,1%	3,5%
5	Gỗ và SP Gỗ	119.213.362	30,8%	-1,1%	13,2%
6	Rau quả	147.083.364	2,9%	-21,7%	16,3%
7	Hàng thủy sản	77.204.123	-32,8%	-39,9%	8,6%
8	Hạt điều	59.964.020	-17,9%	-16,0%	6,7%
9	Mây tre đan	964.677	-9,4%	12,1%	0,1%
10	SP từ cao su	12.540.306	41,1%	65,7%	1,4%
11	Sắn &SP sắn	136.956.094	38,0%	33,9%	15,2%
12	TĂGS &NL	22.854.378	20,7%	83,8%	2,5%
13	Thịt &SP Thịt	1.081.330	252,0%	-86,5%	0,1%
Tổng XK NLTS		901.106.290	2,5%	3,4%	100,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 12/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 12/2019		Tháng 12/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo nếp	19.406	12.404.888	54.879	29.357.854	182,8%	136,7%
2.	Các loại gạo khác	5.181	2.594.649	3.652	2.002.614	-29,5%	-22,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 12/2020

Mặt hàng	T12/2019	T12/2020	So sánh T12/2019 và T12/2020
Chưa rang, chưa khử caffein (HS 090111)	3.041.739	5.886.338	93,52%
Chưa rang, đã khử caffein (HS 090112)	-	-	-
Đã rang, chưa khử caffein (HS 090121)	164.235	152.274	-7,28%
Đã rang, đã khử caffein (HS 090122)	-	-	-
Cà phê khác (HS090190)	-	-	-
Chiết xuất, tinh chất và cô đặc (HS 210111)	2.193.925	2.783.420	26,87%
Chế phẩm có TP chiết xuất, tinh chất hoặc cô đặc ((HS 210112)	6.248.721	6.022.719	-3,62%
Tổng	11.648.619	14.844.752	27,44%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 12/2020

TT	Sản phẩm	T12/2019 (USD)	T12/2020 (USD)	So sánh T12.2020/T12.2019
	Tổng giá trị XK	187,739,158	147,083,364	-21.7%
1	Thanh long	72,094,727	63,173,262	-12.4%
2	Xoài	15,899,473	37,177,592	133.8%
3	Mít	21,477,456	10,478,275	-51.2%
4	Chuối	11,237,661	7,542,218	-32.9%
5	Chanh	4,051,165	3,510,986	-13.3%
6	Ớt	4,820,814	3,290,355	-31.7%
7	Nhãn	18,709,729	1,698,987	-90.9%
8	Sầu riêng	1,482,441	1,310,656	-11.6%
9	Dưa hấu	1,800,572	84,405	-95.3%
10	Chôm chôm	-	4,951	
11	Vải	36,165,119	18,811,677	-48.0%
12	Khác	187,739,158	147,083,364	-21.7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Trung Quốc năm 2020

TT	Sản phẩm	2019 (USD)	2020 (USD)	So sánh 2020/2019
1	Động vật sống khác	7.729.285,0	-	-
2	Thịt trâu, bò, tươi hoặc ướp lạnh.	-	295,0	-
3	Thịt trâu, bò, đông lạnh.	1.175.054,2	55.145,8	-95%
4	Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh.	1.050.914,9	681,2	-100%
5	Phụ phẩm giết mổ	2.378.520,9	-	-
6	Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm	28.527.440,2	2.136.357,3	-93%
7	Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	35.188.970,5	6.052.863,7	-83%
Tổng		76.050.185,7	8.245.343,0	-89%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc năm tháng 12/2020**

Loại sản phẩm	Tháng 12/2019 (USD)	Tháng 12/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
Cá ngừ	128.509.820,00	77.204.123,00	-39,92%
Cá tra	404.152,63	113.116,80	-72,01%
Cua - ghẹ	70.715.451,48	26.990.609,57	-61,83%
Mực và bạch tuộc	1.698.285,00	6.731.000,68	296,34%
Tôm sú	2.924.040,59	6.627.324,81	126,65%
Tôm thẻ chân trắng	16.133.089,96	6.607.953,55	-59,04%
Tôm loại khác	21.592.191,51	10.762.842,05	-50,15%
Thủy sản khác	3.755.153,86	4.406.450,14	17,34%

Nguồn: Tổng cục Hải quan